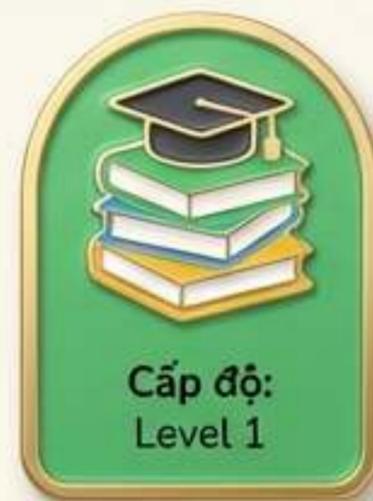
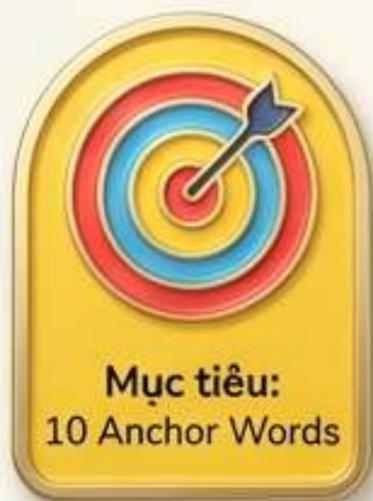


Hành Trình Bến Xe Buýt: Cẩm Nang Đồ Họa Về Phương Tiện & Chỉ Đường

Hôm nay Tom và Lily đi từ nhà đến công viên. Mỗi ngã rẽ và mỗi phương tiện trên chuyến đi này sẽ dạy các em một từ vựng mới. Hãy bước lên xe và bắt đầu hành trình!



Dấu Chân Hành Trình: Từ Nhà Đến Công Viên

Trạm 1 (Home):
Tom và mẹ chọn đi **bus**
thay vì **car**. Chờ ở **traffic
light** đỏ.

Trạm 3 (Ngã Ba Phố):
Turn left, thấy một
chiếc **plane** bay ngang
qua ga **train**.

Trạm 4 (Park Gate): Đã đến
nơi! Chuyển đi như một trò
chơi: **go straight**, **turn
left**, **turn right!**

Trạm 2 (Ngã Tư Sai):
Xuống xe, đi qua **crosswalk**.
Mẹ dặn **go straight** đến bưu
điện rồi mới **turn right**.

Đặt từ vựng vào không gian và câu chuyện giúp não bộ tự động ghi nhớ ngữ cảnh giao tiếp.

Trạm Phương Tiện: Đánh Thức Trí Nhớ Bằng Hình Ảnh

CAR (/kɑ:r/)

- Hình ảnh: Chiếc ô tô có chữ **C-A-R** phát sáng.



TRAIN (/treɪn/)

- Mẹo: Nghe như 'trên' — tàu chạy trên ray.



BIKE (/baɪk/)

- Mẹo: Âm /ai/ như 'ai đạp xe?'.



BUS (/bʌs/)

- Mẹo: Nghe như 'bớt' — đi xe buýt giúp 'bớt' mệt.



PLANE (/pleɪn/)

- Mẹo: Âm 'pl' như tiếng 'phi lên' trời.



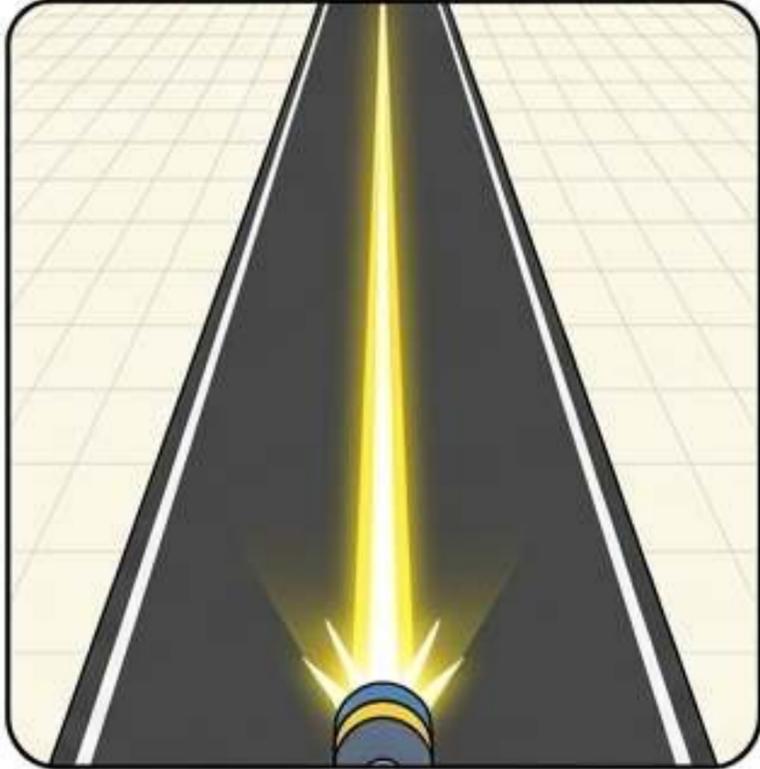
Ma Trận Di Chuyển: Phân Loại Phương Tiện Theo Không Gian Và Tốc Độ

	 Chậm (Slow)	 Vừa (Medium)	 Nhanh (Fast)
Trên không (Air) 			 Plane (máy bay)
Mặt nước (Water) 	 Boat (thuyền)		 Ship (tàu thủy)
Đường bộ (Road) 	 Bike (xe đạp)	 Motorbike, Car, Bus, Truck, Taxi	 Train (tàu hỏa)



Phân nhóm từ vựng theo tốc độ và không gian giúp tư duy tiếng Anh phản xạ nhanh hơn khi chọn từ.

Bảng Điều Khiển Hướng Đi: Ba Lệnh Quan Trọng Nhất



GO STRAIGHT

(/gəʊ streɪt/): Đi thẳng, không rẽ một chút nào.

Mẹo: Tưởng tượng một tia laser rực sáng phóng thẳng tắp trên mặt đường.



TURN LEFT

(/tɜːrn left/): Rẽ trái.

Mẹo: Bàn tay trái khổng lồ vẫy gọi. Giơ tay trái lên mỗi khi nói 'turn left'.



TURN RIGHT

(/tɜːrn raɪt/): Rẽ phải.

Mẹo: 'Right' vừa là bên phải, vừa mang nghĩa 'chính xác/đúng đường'.

Ký Hiệu An Toàn: Mã Hóa Từ Vựng Trên Đường Phố

CROSSWALK (/ˈkrɒswɔ:k/):

Giải phẫu từ: Cross (băng qua) + Walk (đi bộ).

Hình ảnh não: Những vạch kẻ trắng biến thành các phím đàn piano khổng lồ, mỗi bước chân tạo ra âm thanh an toàn.

CROSSWALK (/ˈkrɒswɔ:k/):

Giải phẫu từ: Cross (băng qua) + Walk (đi bộ).

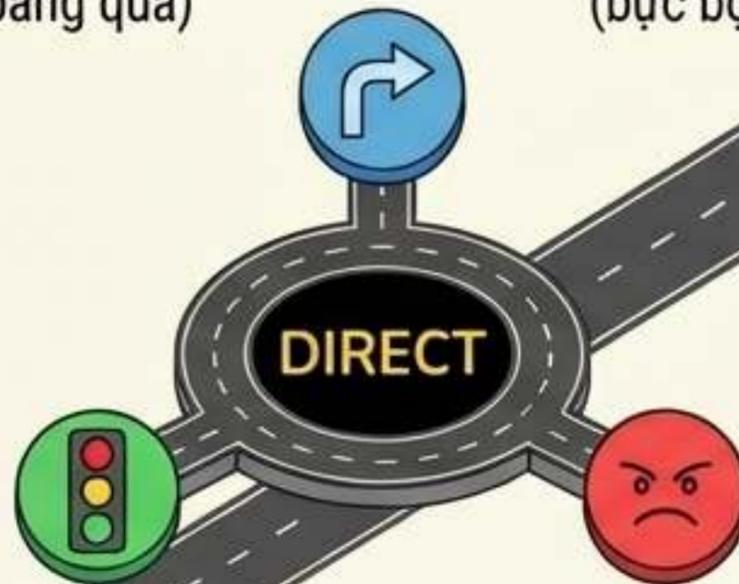
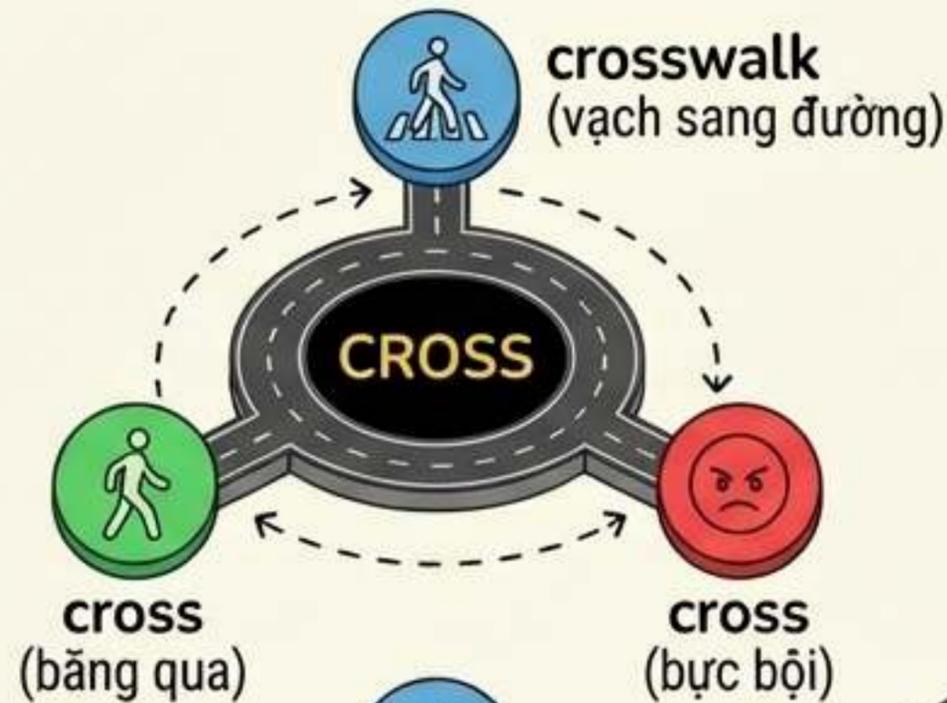
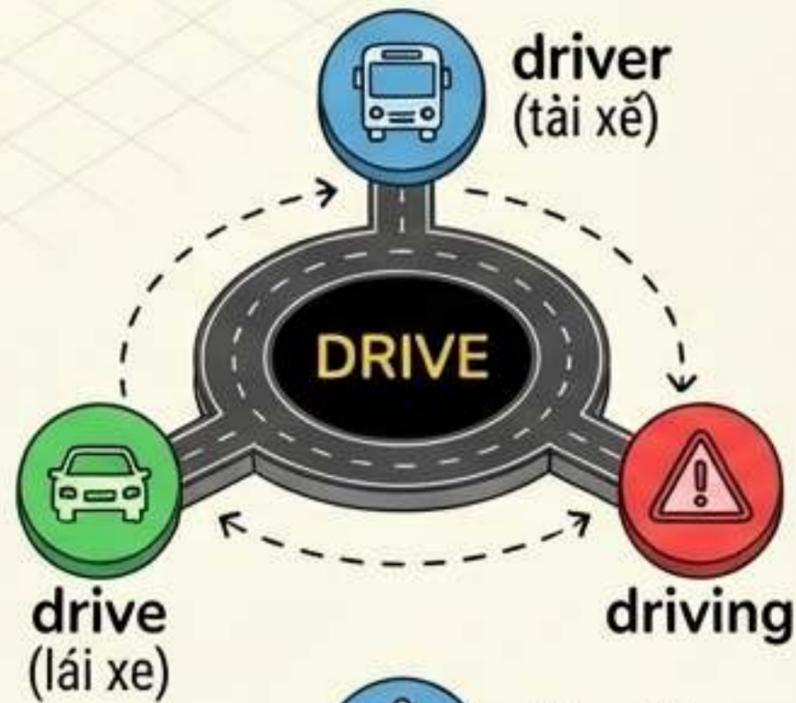
Hình ảnh não: Những vạch kẻ trắng biến thành các phím đàn piano khổng lồ, mỗi bước chân tạo ra âm thanh an toàn.

TRAFFIC LIGHT (/ˈtræfɪk laɪt/):

Giải phẫu từ: Traffic (giao thông) + Light (đèn).

Đèn đỏ-vàng-xanh điều khiển toàn bộ nhịp điệu ngã tư.

Hệ Sinh Thái Từ Vựng: Học Một Gốc, Hiểu Nhiều Vai Trò



Chú ý ngữ cảnh: Từ 'Right' là một con dao pha – cần nhìn hoàn cảnh câu để dịch là 'bên phải' hay là 'chính xác'.

Chuyến Tàu Kết Hợp Từ (Collocations): Bạn Đồng Hành Cố Định



TAKE

the bus / a train
(Đi xe buýt / tàu hỏa)

RIDE

a bike
(Đạp xe)

CROSS AT

the crosswalk
(Qua đường tại vạch)

WAIT AT

the traffic light
(Chờ ở đèn giao thông)

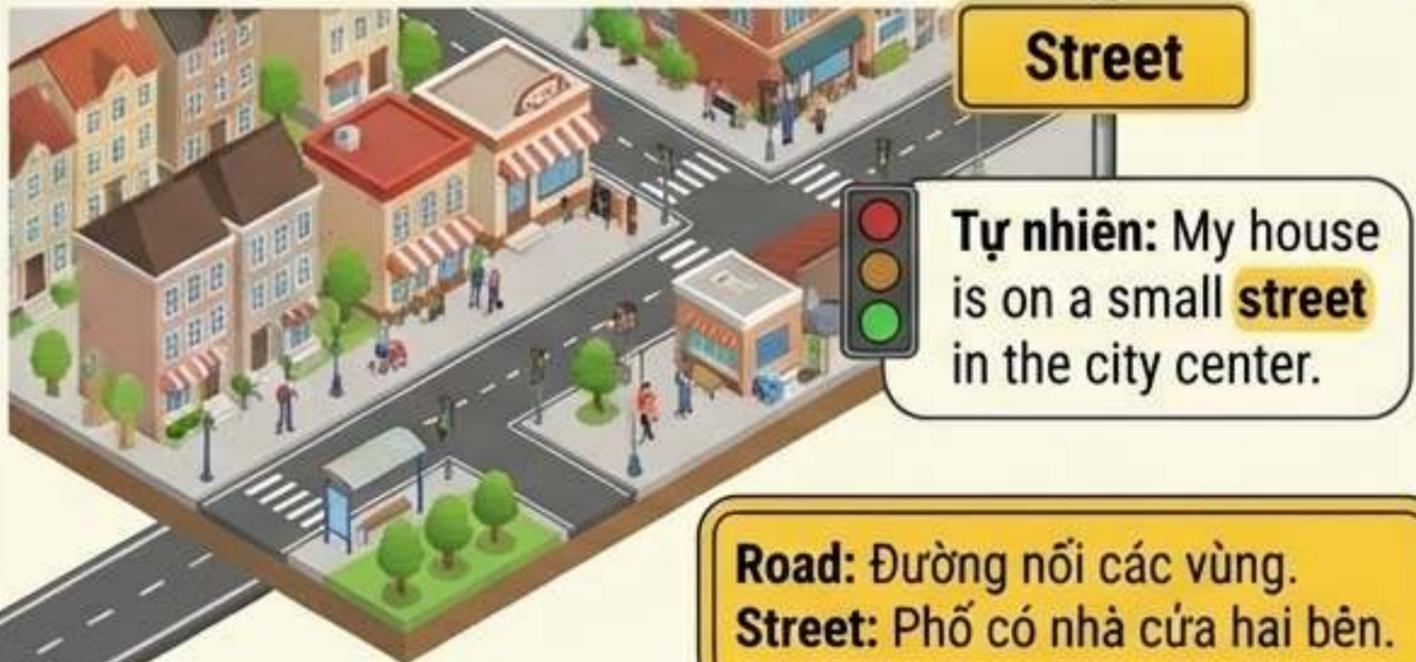
the traffic light
(Chờ ở đèn giao thông)

Visual Warning
(Cảnh báo bẫy)

- ✗ go by foot → ✓ go on foot
- ✗ cross the road anywhere
- ✓ cross at the crosswalk

Khu Vực Nguy Hiểm: Ranh Giới Của Những Từ Dễ Nhầm Lẫn

Road vs. Street



By Bus vs. On Foot



Trạm Ga Trí Não: Bí Mật Ghi Nhớ Nhanh Gấp 60.000 Lần



Não người ghi nhớ hình ảnh tốt hơn **chữ viết 60,000 lần**. Hãy tưởng tượng trong đầu bạn là một **Trạm Ga Khổng Lồ**.



Đường ray thẳng: Khi nghe 'go straight', một đường ray sáng lên thẳng tắp.



Ray rẽ nhánh: Nghe 'turn left' hoặc 'turn right', hệ thống bẻ ghi sang trái hoặc phải.



Phương tiện: Bus, train, car chạy vào đúng đường ray của mình.



Biển báo: Đèn traffic light điều phối nhịp độ suy nghĩ của bạn.

Takeaway: Mỗi lần bạn chọn đúng cụm từ, loa trong 'ga trí não' sẽ reo lên: **Great direction!**

Trạm Kiểm Định Ngữ Pháp (Phần 1): Sửa Lỗi Dịch Thuật

Lỗi 1: Dịch trực tiếp từng từ (False Translation)

● **Ngừng lại:** I go to school **by foot**.
(Lỗi dịch thẳng chữ "bằng chân").



● **Đi tiếp:** I go to school **ON foot**.
(Cụm cố định: **by** + vehicle, nhưng **on foot**).



Lỗi 2: Lỗi cụm từ (Wrong Collocation)

● **Ngừng lại:** At the corner, we **go left**.
(Lỗi dịch máy móc "đi trái").



● **Đi tiếp:** At the corner, we **TURN left**.
(Khi đổi hướng, tiếng Anh luôn dùng **turn left/right**).



Trạm Kiểm Định Ngữ Pháp (Phần 2): Vá Lỗ Cấu Trúc Câu



✗ The road is very **danger**.

Lỗi 3: Sai Từ Loại (Word Form)

✓ The road is very **dangerous**.
(Quy tắc: Sau 'be' cần tính từ, không dùng danh từ).



✗ I see two **bus**.

Lỗi 4: Lỗi Số Nhiều Bất Quy Tắc

✓ I see two **buses**.
(Quy tắc: Danh từ kết thúc bằng -s phải thêm -es. Đừng bỏ quên vì phát âm nhanh!).



✗ We stop at **traffic light**.

Lỗi 5: Thiếu Mạo Từ (Articles)

✓ We stop at **THE** traffic light.
(Quy tắc: Chỉ một đối tượng cụ thể ngay trước mắt, luôn cần 'the').

Cẩm Nang Bỏ Túi: Giao Tiếp Chỉ Đường Thực Tế

Hỏi Đường (Asking)

Excuse me! Where is the **post office**?
(Xin lỗi, bưu điện ở đâu?)



How do I get to the **park**?
(Làm sao để đến công viên?)



Is it **far**?
(Có xa không?)

Chỉ Đường (Giving)

Go **straight**, then **turn left**.
(Đi thẳng, rồi rẽ trái.)



Stop at the **traffic light**.
(Dừng lại ở đèn đỏ.)



Cross the street at the **crosswalk**.
(Qua đường ở vạch sang đường.)



No, it's **near**. It's on the **right**.
(Không, gần thôi. Nó nằm bên phải.)



Thử Thách Sa Bàn: Hoàn Thiện Bản Đồ

Nhìn ngã tư:

We wait at the [1]
before we cross the road.

(Hint: )



Đường đi thẳng:

Tom says, Let's [2]
to the park gate.

(Hint: )

Đi xe đạp:

Lily wants to ride her [3].

(Hint: )

Lên xe buýt: We [4] the
bus to school every day.

(Hint: Action verb)



Đích Đến: Bạn Đã Trở Thành Hoa Tiêu!

